

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 28 – 9 – 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Ngô Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Tiêu Thị P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Ông Lê Văn D, sinh năm 1955 (có mặt).

2/ Bà Châu Hồng T, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 27/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Vào tháng 5/2015 âm lịch ông D và bà T vay của ông số tiền 70.000.000 đồng, khi vay do ông D và bà T trực tiếp nhận tiền nhưng khi đó không viết biên nhận nợ. Sau đó đến ngày 27/7/2015 âm lịch ông đến nhà ông D đòi tiền thì ông D có nhờ cháu của ông D (không rõ tên họ) viết biên nhận nợ khi đó có ông, bà P, ông D và bà T trực tiếp ký vào biên nhận nợ. Ông D và bà T hứa sau 01 tuần sẽ thanh toán 70.000.000 đồng. Do ông là dưỡng của bà P nên khi đòi tiền có đi chung và thấy ông D và bà T hứa 01 tuần sẽ thanh toán nên viết trên cùng một biên nhận. Nay ông yêu cầu ông D và bà T trả số tiền vốn là 70.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 27/7/2015 đến nay ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Theo Biên bản hoà giải ngày 14/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tiêu Thị P trình bày: Vào khoảng tháng 5/2015 âm lịch ông D và bà T vay của bà số tiền 70.000.000 đồng nhưng không viết biên nhận nợ. Đến ngày 27/7/2015 bà cùng với ông B (là dưỡng của bà) đến nhà ông D yêu cầu trả nợ khi đó ông D có nhờ người cháu (không rõ họ và tên) viết biên nhận nợ hứa sau 01 tuần sẽ thanh toán cho bà 70.000.000 đồng nên bà, ông B, bà T và ông D trực tiếp ký vào biên nhận. Khi bà cho vay thì bà không biết ông B có cho ông D và bà T vay tiền nhưng sau đó thì bà hay sự việc nên khi đi đòi tiền bà có rủ ông B đi cùng nên viết trên cùng một biên nhận nợ. Do ông D và T hứa sau 01 tuần sẽ thanh toán nên bà cũng đồng ý viết trên cùng một biên nhận. Nay bà yêu cầu ông D và bà T trả nợ số tiền vốn là 70.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 27/7/2015 đến nay ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản hoà giải ngày 14/3/2023 bị đơn bà Châu Hồng T trình bày: Vào tháng 02/2015 bà Nguyễn Thị L là em nuôi của ông Bùi Văn S đến thăm chồng bà là ông D bị bệnh và nói để bà L kêu chồng ở bên Úc sẽ bảo lãnh ông D sang Úc điều trị bệnh. Nên bà đến nhà bà Nguyễn Kim H (con dâu ông B) kêu cho thuê phần đất của vợ chồng bà. Bà H hỏi lý do gì không canh tác mà cho thuê thì bà nói cho thuê đất để lấy tiền lo chi phí cho bà Nguyễn Thị L bảo lãnh gia đình đi sang Úc lao động. Sau đó, bà H nhờ bà liên hệ bà L để bảo lãnh đưa đi sang Úc lao động thì bà nói bà H tự liên hệ với bà L. Sau đó bà H nhờ bà đưa tiền cho bà L

25.000.000 đồng để bảo lãnh cho ông Nguyễn Quốc Hùng A nên bà yêu cầu bà H, bà L cùng có mặt rồi đưa tiền. Tại nhà bà có mặt bà H, bà L, ông B thì bà H đưa tiền cho bà L 40.000.000 đồng để bảo lãnh cho con bà H là Nguyễn Kim C. Bà Tiêu Thị P đến nhà bà đưa 30.000.000 đồng cho bà nhờ đưa tiền cho bà L vì bà H kêu vậy, tại nhà bà có bà P, bà H, bà L, ông B thì bà nhận tiền đưa cho bà L 25.000.000 đồng và đưa cho bà H 5.000.000 đồng là tiền cò của bà H. Ông Tiêu Văn T em bà P cũng đến nhà đưa 30.000.000 đồng nhờ đưa cho bà L. Khi đưa tiền có ông T, bà P, bà L, bà H thì bà nhận tiền đưa cho bà L 25.000.000 đồng và đưa cho bà H 5.000.000 đồng là tiền cò của bà H. Vợ ông Trần Quốc Hùng E đến nhà bà đưa 30.000.000 đồng nhờ bà đưa cho bà L, khi đưa tiền có vợ ông Hùng E, bà P, bà L, bà H thì bà nhận tiền đưa cho bà L 25.000.000 đồng và đưa cho bà H 5.000.000 đồng là tiền cò của bà H. Đến khi Công an tỉnh Cà Mau giải việc vụ án lừa đảo của bà L thì ông B đến nhà nhờ chồng bà ký tên vào giấy nợ đã viết sẵn nói nhờ ký cho con dâu ông B là bà Nguyễn Kim H không có liên quan gì đến bà L khi chứng minh cho Công an xong thì sẽ bỏ giấy nợ. Do đó, ông D có ký vào giấy nợ chứ bà không có ký nhưng ký trên tờ giấy sổ học sinh chứ không phải giấy nợ như bà P cung cấp. Do không có việc vay tiền nên bà không chấp trả vốn và lãi theo yêu cầu của ông B và bà P. Nếu thực tế có việc vay thì đã ký giấy nợ vào ngày nhận tiền và sẽ ký tên trên mỗi giấy nợ chứ không phải ký chung trên một giấy như ông B và bà P trình bày.

Tại Biên bản hoà giải ngày 14/3/2023 bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Do ông B đến nhà nhờ ông ký tên vào giấy nợ đã viết sẵn nói nhờ ký cho con dâu ông B là bà Nguyễn Kim H không có liên quan gì đến bà L khi chứng minh cho Công an xong thì sẽ bỏ giấy nợ. Ông xác định có ký vào giấy nợ do ông B đã viết sẵn (loại giấy của sổ học sinh) với nội dung là ông mượn 70.000.000 của ông B để cất nhà chứ không phải giấy nợ như bà P cung cấp. Trong giấy nợ ông B nhờ ông ký thì chỉ có chữ ký của ông ngoài ra không có ai khác ký. Ông xác định không có ký giấy nợ như bà P cung cấp và ông không đồng ý kết luận giám định chữ ký của Công an tỉnh Cà Mau nhưng ông không yêu cầu giám định lại. Do không có việc vay tiền nên ông không chấp trả vốn và lãi theo yêu cầu của ông B và bà P.

Tại biên bản làm việc ngày 28/8/2023 ông Trần Quốc H (tên gọi khác Hùng A) trình bày: Ông Bé là vợ của ông, trước đây ông sống gần nhà ông B nghe thông tin bà Nguyễn Kim H có ý định đi nước ngoài lao động nên ông B hỏi ông có muốn đi không. Nên ông B đã giới thiệu ông D và bà T là người làm hồ sơ đi

nước ngoài. Ông có đến gặp và đưa cho bà T số tiền 30.000.000 đồng. Khoảng 15 ngày sau vợ chồng ông D hẹn ông và mọi người lên thành phố Hồ Chí Minh để đợi ngày đi và trong thời gian đó ông có gặp bà L và biết được nếu đi ra nước ngoài sẽ làm cho Công ty của bà L. Nhưng sau đó, vợ chồng ông D cho biết bà L đã trốn nên không đi nước ngoài được nên ông và mọi người quay về quê và trình báo sự việc đến Công an tỉnh Cà Mau.

Tại biên bản làm việc ngày 11/9/2023 bà Nguyễn Kim H trình bày: Năm 2015 con bà có mướn ruộng của vợ chồng ông D. Ông D nói có người quen bên Úc hỏi bà nếu muốn lao động nước ngoài đi thì sẽ làm thủ tục cho. Bà có đưa cho vợ chồng ông D 80.000.000 đồng để lo chi phí cho vợ chồng bà và con gái đi, khi đưa tiền không làm biên nhận. Sau đó thì vợ chồng ông D bỏ trốn nên gia đình bà không đi nước ngoài được và bà cũng không gặp được ông D để lấy lại tiền. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/9/2023 bà trình bày do bận đi làm ăn xa nên bà yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 19/9/2023 bà Võ Thị Hồng N trình bày: Bà là vợ ông Trần Quốc H (tên gọi khác Quốc G và Hùng E là em ruột của ông Hùng A). Bà Nguyễn Kim H là em chồng bà, vào năm 2015 chồng bà có nghe thông tin bà H dự định đi lao động nước ngoài nên chồng bà có đến gặp vợ chồng ông D nói là cũng có nhu cầu đi lao động. Vợ chồng ông D yêu cầu đưa số tiền 30.000.000 đồng/người. Sau đó, không nhớ rõ ngày tháng năm cụ thể bà đến nhà và đưa trực tiếp cho bà T 30.000.000 đồng để lo chi phí cho chồng bà đi nước ngoài, lúc đó cũng có bà Nguyễn Kim H, bà H cũng đưa tiền cho bà T nhưng đưa số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không biết. Sau đó, thì vợ chồng ông D bỏ trốn và đến nay bà cũng chưa nhận lại được tiền.

Tại biên bản làm việc ngày 19/9/2023 bà bà Trần Thị H (vợ ông Nguyễn Văn B) trình bày: Vào năm 2015 cháu nội bà (là con của Nguyễn Kim H) mướn ruộng của ông D nên bà cũng thường xuyên đến nhà cháu nội chơi. Việc bà H có thoả thuận giao tiền cho ông D để lo chi phí đi lao động nước ngoài và việc giao tiền giữa bà H và vợ chồng ông D như thế nào thì bà không biết.

Tại biên bản làm việc ngày 31/7/2023 ông Tiêu Văn T từ chối làm việc với Toà án và xác định không liên quan đến vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 12/9/2023 Trưởng Ban nhân dân ấp Cây Dương A xác định: Bà Nguyễn Thị Đ (tên gọi khác L, O) hiện không còn cư trú tại địa phương, hiện đi đâu làm gì địa phương không xác định được.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn B trình bày: Yêu cầu ông D và bà T trả số tiền vốn là 70.000.000 đồng và lãi theo quy định Nhà nước tính từ ngày khởi kiện ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng 28 ngày là 10.276.000 đồng.

- Bà Tiêu Thị P trình bày: Yêu cầu ông D và bà T trả số tiền vốn là 70.000.000 đồng và lãi theo quy định Nhà nước tính từ ngày khởi kiện 13/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 05 tháng 15 ngày là 20.335.000 đồng.

- Bà Châu Hồng T và ông Lê Văn D trình bày: Ông bà thừa nhận có nhận của bà Phượng số tiền 60.000.000 đồng để làm thủ tục đưa bà P và ông Tiêu Văn T đi nước ngoài và sau đó bà đã đưa lại số tiền trên cho bà L. Ông D có ký vào biên nhận do ông B viết sẵn với nội dung mượn ông B 70.000.000 đồng để cất nhà. Do ông B nhờ ký để cho bà Nguyễn Kim H không liên quan gì khi Công an điều tra và biên nhận chỉ có chữ ký của ông, ông bà không đồng ý kết luận giám định tuy nhiên không yêu cầu giám định lại. Do thực tế không có việc vay tiền nên không đồng ý thanh toán tiền vốn và lãi theo yêu cầu của ông B và bà P.

- Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn D và bà Châu Hồng T thanh toán tiền vốn 70.000.000 đồng và lãi. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn D và bà Châu Hồng T thanh toán tiền vốn 70.000.000 đồng và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn B và bà Tiêu Hồng P khởi kiện bà Châu Hồng T, ông Lê Văn D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Châu Hồng T, ông Lê Văn D cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Kim H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Hoàng.

[2] Về nội dung: Ông B và bà P yêu cầu ông D và bà T thanh toán số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy mượn tiền mà bị đơn cam kết thanh toán vào ngày 27/7/2015 có chữ ký của ông D và bà T. Ông D và bà T cho rằng chữ ký trong giấy mượn tiền không phải chữ ký của ông bà. Tuy nhiên, tại kết luận giám định số 382/KL-KTHS ngày 09/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận so sánh với các mẫu chữ ký của ông bà là do một người viết ra. Ông D xác định: Ông có ký giấy nợ ông B 70.000.000 đồng do ông Béđã viết sẵn loại giấy của sổ học sinh chứ không phải giấy nợ như nguyên đơn cung cấp nhưng giữa hai bên không có việc vay tiền mà ông ký giấy nợ do ông B viết nói là nhờ ký cho con dâu ông B là bà H không có liên quan gì đến bà L khi chứng minh cho Công an tỉnh xong thì sẽ xé bỏ giấy nợ. Lời trình bày của ông D phù hợp với lời trình bày của bà H tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/10/2015 tại Công an tỉnh Cà Mau, bà H khai: “Vào năm 2015 ông D và bà T giới thiệu đi lao động nước Úc lương cao nên vào ngày 25/02/2015 âm lịch bà đưa bà T 70.000.000 đồng để vợ chồng và con đi lao động tại Úc. Ngoài ra, còn có bà P đưa cho bà T 60.000.000 đồng, bà nhìn thấy do bà P kêu đi cùng để chứng kiến. Nhưng đến ngày hẹn 02/5/2015 ông D và bà T không đưa đi được nên tháng 6/2015 bà đến đòi tiền nhưng ông D và bà T không có tiền trả nên làm giấy nợ ghi nợ cha chồng bà ông Nguyễn Văn B 70.000.000 đồng, bà Tiêu Thị P 70.000.000 đồng hẹn ngày 27/7/2015 dương lịch sẽ trả”. Xét lời khai của bà H và đối chiếu Giấy mượn nợ với nội dung “tôi Lê Văn D... nợ ông Nguyễn Văn B số tiền 70.000.000 đồng và nợ bà Tiêu Thị P số tiền 70.000.000 đồng với thời gian là thứ hai tuần tới ngày 27/7/2015 sẽ trả toàn bộ số nợ trên” là hoàn toàn trùng khớp. Do đó, có cơ sở xác định ông D và bà T có ký vào giấy mượn tiền tuy nhiên thực tế giữa ông B, bà P và ông D, bà T không có việc vay mượn tiền mà đây là giao dịch về lo chi phí cho việc đi nước ngoài lao động giữa bà H, bà P và ông D, bà T. Việc chuyển quyền tài sản đối với số tiền trên giữa ông B và bà H chỉ để tránh việc điều tra của cơ quan Công an. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông B về việc buộc ông D, bà T nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 10.276.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc buộc ông D, bà T nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 20.335.000 đồng.

Giành quyền khởi kiện cho bà P được khởi kiện ông D và bà T đối với số tiền 60.000.000 đồng. Bà H được quyền khởi kiện ông D và bà T trong vụ án nếu có yêu cầu.

[4] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn dự nộp tạm ứng án phí và án phí.

- Do yêu cầu của bà P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(70.000.000 \text{ đồng} + 20.335.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.517.000 \text{ đồng}$ (tính tròn số). Bà P đã dự nộp số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0020019 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu, bà P tiếp tục nộp 2.767.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Do ông D và bà T yêu cầu giám định chữ ký và theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận là chữ ký của ông bà. Do đó, ông D và bà T phải chịu phí giám định 6.920.000 đồng, bà ông đã nộp và thanh toán xong.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Lê Văn D và bà Châu Hồng T thanh toán số tiền vốn 70.000.000 đồng và lãi 10.276.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tiêu Thị P về việc yêu cầu ông Lê Văn D và bà Châu Hồng T thanh toán số tiền vốn 70.000.000 đồng và lãi 20.335.000 đồng. Giành quyền khởi kiện cho bà Tiêu Thị P được khởi kiện ông Lê Văn D và bà Châu Hồng T đối với số tiền 60.000.000 đồng.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn B được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.
- Bà Tiêu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.517.000 đồng (tính tròn số). Bà Tiêu Thị P đã dự nộp số tiền 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0020019 ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu, bà P tiếp tục nộp 2.767.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định 6.920.000 đồng ông Lê Văn D, bà Châu Hồng T đã nộp và thanh toán xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như